

Số: 381/TB-UBND

Quỳ Hợp, ngày 11 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản là tang vật
vi phạm hành chính bị tịch thu đối với 44 viên đá khoáng sản**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/06/2017;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 144/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện Quỳ Hợp xử phạt vi phạm hành chính trng lĩnh vực hoạt động thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Quỳ Hợp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND huyện Quỳ Hợp về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu đối với 44 viên đá khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND huyện Quỳ Hợp về việc ban hành Bảng tiêu chí đánh giá lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu đối với 44 viên đá khoáng sản;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu đối với 44 viên đá khoáng sản.

Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc bán đấu giá như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá

Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp

Địa chỉ: Khối 11, thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An

2. Thông tin tài sản đấu giá:

2.1. Tên tài sản đấu giá: Lô tài sản bị tịch thu gồm 44 viên đá là khoáng sản: Đá hoa trắng, đá hoa màu, xám xanh đá ốp, đá lát, đá mỹ nghệ, đá làm bột cacbonat canxi, thuộc loại khoáng sản khác ngoài nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (bán cả lô theo nguyên hiện trạng). Thông tin cụ thể như sau:

Tài sản đánh số	Dài (cm)	Rộng (cm)	Cao (cm)	Khối lượng (m3)	Đặc điểm, phân loại	Giá khởi điểm (đồng)
1	80	60	60	0,29	Đá hoa trắng dạng khối, xen lẫn vết xám nâu, đen loang lổ (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	950.400
2	100	50	100	0,50	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	7.500.000
3	110	80	130	1,14	Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	8.008.000
4	60	50	90	0,27	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.053.000
5	110	50	70	0,39	Đá hoa trắng dạng khối, lẫn vết nâu đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.386.000
6	100	90	80	0,72	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	10.800.000
7	70	110	50	0,38	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.501.500
8	100	120	40	0,48	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	7.200.000
9	110	70	100	0,77	Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	5.390.000
10	80	150	50	0,60	Đá hoa trắng dạng khối lẫn các vết đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	6.300.000

11	70	70	110	0,54	<i>Đá hoa trắng dạng khối lẫn các vết đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	5.659.500
12	70	100	80	0,56	<i>Đá hoa trắng dạng khối lẫn các vết đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	5.880.000
13	150	80	110	1,32	<i>Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	9.240.000
14	100	120	80	0,96	<i>Đá hoa trắng dạng khối lẫn vết đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	10.080.000
15	80	100	120	0,96	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	14.400.000
16	130	80	50	0,52	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	7.800.000
17	90	100	80	0,72	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	10.800.000
18	100	60	50	0,30	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	1.170.000
19	120	70	90	0,76	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	11.340.000
20	120	110	80	1,06	<i>Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	7.392.000
21	70	140	70	0,69	<i>Đá hoa trắng dạng khối, lẫn vết nâu đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	7.203.000
22	120	80	70	0,67	<i>Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	10.080.000
23	120	130	90	1,40	<i>Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	9.828.000
24	120	80	80	0,77	<i>Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)</i>	5.376.000

25	110	60	70	0,46	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	6.930.000
26	130	100	70	0,91	Đá hoa trắng dạng khối, nhiều nứt rạn, lẫn vết nâu đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	9.555.000
27	110	70	60	0,46	Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	3.234.000
28	90	60	100	0,54	Đá hoa trắng dạng khối, có vết đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	5.670.000
29	110	70	70	0,54	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	8.085.000
30	110	80	110	0,97	Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	6.776.000
31	90	90	90	0,73	Đá hoa trắng dạng khối, lẫn màu xanh nhạt (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	5.103.000
32	90	120	60	0,65	Đá hoa trắng dạng khối lẫn các vết nâu đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	6.804.000
33	100	60	150	0,90	Đá hoa màu xám xanh, sọc đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	6.300.000
34	90	80	50	0,36	Đá hoa trắng dạng khối lẫn vết nâu đen (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.296.000
35	80	70	70	0,39	Đá hoa trắng dạng khối, có vết đen không đều (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.411.200
36	80	60	80	0,38	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.497.600
37	50	50	120	0,30	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.170.000

38	90	50	70	0,31	Đá hoa trắng dạng khối (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	1.229.000
39	60	150	90	0,81	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	5.670.000
40	100	160	180	2,88	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	20.160.000
41	100	150	280	4,20	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	29.400.000
42	260	170	100	4,40	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	30.940.000
43	140	120	260	4,37	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	30.576.000
44	280	100	190	5,30	Đá hoa trắng lẫn xanh, xám (rêu mốc xung quanh viên đá do để ngoài trời lâu ngày)	37.240.000
Tổng cộng				46,60		385.383.700

2.2. Tổng khởi điểm của tài sản đấu giá: **385.383.700 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm đồng chẵn).

Giá khởi điểm của tài sản trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm các chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định và giá cũng chưa bao gồm chi phí bốc xếp, vận chuyển, phương tiện vận chuyển và các chi phí phát sinh khác (nếu có). Người mua được tài sản đấu giá chỉ trả các loại chi phí trên và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm các tiêu chí sau:

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0

1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận	7,0

	đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0

9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100

4. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá

Việc lựa chọn tổ chức đấu giá được thực hiện trên cơ sở chấm điểm đối với hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá nộp hồ sơ theo đúng thời gian ghi tại mục 6 Thông báo này. Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó. Trong trường hợp chỉ có một đơn vị đăng ký tham gia đấu giá, đơn vị được lựa chọn nếu đáp ứng được các điều kiện, tiêu chí của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, pháp luật có liên quan và có điểm chấm tối thiểu là 100 điểm. Trong trường hợp không có đơn vị đăng ký hoặc không đáp ứng được các tiêu chí, Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp sẽ điều chỉnh tiêu chí lựa chọn và thực hiện thông báo lại việc lựa chọn tổ chức đấu giá.

Lưu ý: Việc đánh giá và chấm điểm căn cứ hồ sơ nộp khi đăng ký tham gia tổ chức đấu giá của Tổ chức đấu giá, có kiểm tra đối chiếu với các thông tin trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<http://dgts.moj.gov.vn>). Các tiêu chí không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh sẽ không được xem xét, chấm điểm.

5. Hồ sơ nộp đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

Tổ chức đấu giá tài sản phải có các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp hồ sơ bao gồm;

Hồ sơ bao gồm:

- 3.1. Đơn xin tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- 3.2. Hồ sơ pháp lý của tổ chức;
- 3.3. Có tên trong danh sách của tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố
- 3.4. Tổ chức bộ máy nhân sự của tổ chức đấu giá.
- 3.5. Tổ chức đấu giá có đề án tổ chức bộ máy: Lãnh đạo, kế toán, nhân viên, thủ kho- quỹ, tổ chức có trang Website (ghi rõ trang web của đơn vị đang hoạt động).
- 3.6. Số lượng đấu giá viên của đơn vị: Từ 02 đấu giá viên trở lên.
- 3.7. Trụ sở địa điểm làm việc của tổ chức.
 - Tổ chức đấu giá có trụ sở cố định, có hình ảnh minh họa, có diện tích tối thiểu từ 200m² trở lên và có hội trường tổ chức đấu giá.
 - Có kho lưu trữ hồ sơ lâu dài theo đúng chế độ văn thư lưu trữ (hình ảnh),
- 3.8. Cam kết của tổ chức đấu giá về tiền độ, trang thiết bị đầy đủ phục vụ đấu giá: Máy vi tính, máy chiếu, đồng hồ tính thời gian bỏ phiếu, loa phát thanh mini và trang bị hệ thống camera an ninh giám sát tại cuộc đấu giá
- 3.9. Năng lực kinh nghiệm đấu giá của tổ chức đấu giá, đấu giá viên.
- 3.10. Bản mô tả kinh nghiệm về thời gian hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản; kinh nghiệm đấu giá viên.
 - Năng lực hồ sơ đấu giá.
 - Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
 - Uy tín của tổ chức đấu giá.
 - Xây dựng mức thù lao đấu giá tài sản hợp lý, đảm bảo quy định
- 3.11. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng.
- 3.12. Giấy giới thiệu của tổ chức nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá, CCCD của cá nhân nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá;
- 3.13. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ đóng quyền, được để trong phong bì dán kín niêm phong.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ.

- Thời gian nộp hồ sơ: Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu tổ chức đấu giá tài sản nêu trên nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian: Từ ngày 12/06/2025 đến hết ngày 16/06/2025 (*trong ngày làm việc, giờ hành chính: sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ*).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá: Phòng Tài chính - Kế toán của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp. Địa chỉ: Khối 11, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,

tỉnh Nghệ An.

- Số điện thoại liên hệ: Lê Thị Hải, SĐT: 0985.227.355.

*** Lưu ý: Chỉ nhận hồ sơ đăng ký trực tiếp, không nhận qua đường bưu điện. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân. (Chú ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp lựa chọn).**

Thông báo này được công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<http://dgts.moj.gov.vn>) và trang Web: <https://http://quyhop.gov.vn/> của Ủy ban huyện Quỳnh Hợp.

Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Sở Tư pháp Nghệ An (bc);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Tổ ĐG, CĐ theo QĐ 3488/QĐ-UBND;
- Cổng TT điện tử của UBND huyện Quỳnh Hợp;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quán Vi Giang